Danh mục đánh giá và phê duyệt nhà cung cấp

Đơn vị sản xuất · Nhà cung cấp mới và đánh giá hằng năm

Công ty Sản xuất Linh kiện Chính xác (công ty giả định, chỉ để minh họa)

Số biểu mẫu	VQ-F-01
Phiên bản / ngày	v1.0 · 01/05/2026
Người thực hiện	Phòng Mua hàng và Chất lượng
Tần suất rà soát	Hằng năm, hoặc sau sự cố chất lượng nghiêm trọng

1. Thông tin nhà cung cấp

Tên nhà cung cấp	_____
Mã nhà cung cấp	_____
Người liên hệ và điện thoại	_____
Địa chỉ và quốc gia	_____
Vật tư hoặc dịch vụ cung cấp	_____
Loại đánh giá	Nhà cung cấp mới / Đánh giá hằng năm
Ngày đánh giá và người đánh giá	_____

2. Cách sử dụng danh mục này

Với mỗi yêu cầu, đánh dấu Có, Một phần hoặc Không và ghi bằng chứng đã xem (số chứng chỉ, tài liệu hoặc quan sát). Cách chấm điểm: Có = 2 điểm, Một phần = 1 điểm, Không = 0 điểm. Các mục không áp dụng sẽ không tính vào tổng điểm.

A. Pháp lý và tuân thủ

STT	Yêu cầu	Bằng chứng / ghi chú	Có	Một phần	Không
A1	Giấy phép kinh doanh và đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực.		☐	☐	☐
A2	Đăng ký thuế và chứng nhận VAT.		☐	☐	☐
A3	Đã xác định chủ sở hữu và người đại diện ký.		☐	☐	☐
A4	Không bị trừng phạt, đưa vào danh sách đen hay đang kiện tụng.		☐	☐	☐
A5	Sản phẩm tuân thủ luật và tiêu chuẩn của thị trường chúng tôi.		☐	☐	☐

STT	Yêu cầu	Bằng chứng / ghi chú	Có	Một phần	Không
A6	Bảo hiểm còn hiệu lực (trách nhiệm sản phẩm và vận chuyển).		☐	☐	☐
A7	Đã ký quy tắc ứng xử và chính sách chống hối lộ.		☐	☐	☐
A8	Đã ký thỏa thuận bảo mật (NDA).		☐	☐	☐

B. Năng lực tài chính

STT	Yêu cầu	Bằng chứng / ghi chú	Có	Một phần	Không
B1	Báo cáo tài chính được kiểm toán của hai năm gần nhất.		☐	☐	☐
B2	Lợi nhuận và khả năng thanh khoản ổn định.		☐	☐	☐
B3	Đã có xác nhận ngân hàng hoặc báo cáo tín dụng.		☐	☐	☐
B4	Điều kiện tín dụng được đưa ra (30 đến 60 ngày).		☐	☐	☐
B5	Có khả năng đáp ứng sản lượng của chúng tôi mà không gặp khó khăn tài chính.		☐	☐	☐

C. Quản lý chất lượng

STT	Yêu cầu	Bằng chứng / ghi chú	Có	Một phần	Không
C1	Chứng chỉ ISO 9001 hoặc tương đương còn hiệu lực.		☐	☐	☐
C2	Có sổ tay chất lượng và quy trình bằng văn bản.		☐	☐	☐
C3	Hồ sơ kiểm tra đầu vào, trong quá trình và thành phẩm.		☐	☐	☐
C4	Thiết bị đo được hiệu chuẩn.		☐	☐	☐
C5	Truy xuất nguồn gốc theo lô.		☐	☐	☐
C6	Quy trình hành động khắc phục và phòng ngừa (CAPA).		☐	☐	☐
C7	Tỷ lệ lỗi (PPM) trong giới hạn của chúng tôi.		☐	☐	☐
C8	Cho phép đánh giá và phê duyệt mẫu đầu tiên.		☐	☐	☐

SAMPLE · allbizdoc.com

D. Năng lực và khả năng sản xuất

STT	Yêu cầu	Bằng chứng / ghi chú	Có	Một phần	Không
D1	Máy móc và công nghệ phù hợp với quy cách của chúng tôi.		☐	☐	☐
D2	Công suất đáp ứng sản lượng dự báo cộng 20% mùa cao điểm.		☐	☐	☐
D3	Có lịch bảo trì cho thiết bị chính.		☐	☐	☐
D4	Lực lượng lao động lành nghề và được đào tạo.		☐	☐	☐
D5	Nguồn nguyên liệu được kiểm soát và có hồ sơ.		☐	☐	☐
D6	Có phương án dự phòng khi thiết bị hỏng hoặc thiếu hàng.		☐	☐	☐
D7	Thời gian giao hàng được xác nhận và ổn định.		☐	☐	☐

E. Sức khỏe, an toàn và môi trường

STT	Yêu cầu	Bằng chứng / ghi chú	Có	Một phần	Không
E1	Có chính sách an toàn và cán bộ an toàn được đào tạo.		☐	☐	☐
E2	Có phương án phòng cháy và ứng phó khẩn cấp.		☐	☐	☐
E3	Sử dụng phương tiện bảo hộ.		☐	☐	☐
E4	Có giấy phép môi trường và xử lý chất thải.		☐	☐	☐
E5	Xử lý an toàn hóa chất và vật liệu nguy hiểm.		☐	☐	☐
E6	Đã rà soát hồ sơ tai nạn.		☐	☐	☐

F. Logistics và giao hàng

STT	Yêu cầu	Bằng chứng / ghi chú	Có	Một phần	Không
F1	Giao hàng đúng hạn từ 95% trở lên trong 12 tháng qua.		☐	☐	☐
F2	Bao bì bảo vệ hàng trong quá trình vận chuyển.		☐	☐	☐
F3	Nhãn và chứng từ đáp ứng yêu cầu của chúng tôi.		☐	☐	☐

STT	Yêu cầu	Bằng chứng / ghi chú	Có	Một phần	Không
F4	Có thể giao hàng theo điều kiện Incoterms đã thỏa thuận.		☐	☐	☐
F5	Có kế hoạch dự phòng khi chậm trễ.		☐	☐	☐

G. Điều khoản thương mại

STT	Yêu cầu	Bằng chứng / ghi chú	Có	Một phần	Không
G1	Giá cạnh tranh và minh bạch.		☐	☐	☐
G2	Đã thỏa thuận thời hạn hiệu lực và cách rà soát giá.		☐	☐	☐
G3	Đã thỏa thuận điều khoản thanh toán.		☐	☐	☐
G4	Đã thỏa thuận điều khoản bảo hành và trả hàng.		☐	☐	☐
G5	Đầu mối phụ trách phản hồi nhanh và có kênh leo thang.		☐	☐	☐

H. Đạo đức và trách nhiệm xã hội

STT	Yêu cầu	Bằng chứng / ghi chú	Có	Một phần	Không
H1	Không sử dụng lao động trẻ em hoặc lao động cưỡng bức.		☐	☐	☐
H2	Tiền lương và giờ làm việc công bằng.		☐	☐	☐
H3	Có chính sách không phân biệt đối xử.		☐	☐	☐
H4	Có kênh tố giác.		☐	☐	☐

3. Tổng hợp điểm

Phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được
A. Pháp lý và tuân thủ	16	
B. Năng lực tài chính	10	
C. Quản lý chất lượng	16	
D. Năng lực và khả năng sản xuất	14	
E. Sức khỏe, an toàn và môi trường	12	
F. Logistics và giao hàng	10	
G. Điều khoản thương mại	10	

Phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được
H. Đạo đức và trách nhiệm xã hội	8	
Tổng cộng	96	

Kết quả	Quyết định
85% trở lên	Nhà cung cấp được duyệt.
70% đến 84%	Duyệt có điều kiện: nhà cung cấp phải hoàn thành kế hoạch cải tiến trong 90 ngày.
Dưới 70%	Không duyệt.

4. Quyết định và phê duyệt

Quyết định	Duyệt / Duyệt có điều kiện / Không duyệt
Điều kiện và hành động	_____
Ngày rà soát tiếp theo	_____

Trưởng phòng Mua hàng	Trưởng phòng Chất lượng	Giám đốc nhà máy

Tài liệu mẫu chỉ để minh họa. Tên công ty là giả định. Bạn có thể nhận danh mục tùy chỉnh cho nhà máy, sản phẩm, quốc gia và ngôn ngữ của mình tại allbizdoc.com.

SAMPLE · allbizdoc.com